

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân & gia đình sơ thẩm thụ lý số 02/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm: 1989;

- Bị đơn: Ông Đặng Tiến S, sinh năm: 1986;

Cùng có địa chỉ: Thôn ĐR, xã ST1, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/4/2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/4/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm: 1989;

- Bị đơn: Ông Đặng Tiến S, sinh năm: 1986;

Cùng có địa chỉ: Thôn ĐR, xã ST1, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân:** Bà Trần Thị N và ông Đặng Tiến S thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Bà Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung: Đặng Phương T, sinh ngày: 24/6/2011 và cháu Đặng Thảo N1, sinh ngày: 05/6/2017 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi (*theo sự thoả thuận của bà N, ông S và nguyện vọng của cháu Đặng Phương T*). Ông Đặng Tiến S có nghĩa vụ thực hiện cấp dưỡng nuôi hai con chung: Cháu Đặng Phương T, sinh ngày 24/6/2011 là 1.000.000 đồng

(một triệu đồng)/tháng, cháu Đặng Thảo N1, sinh ngày 05/6/2017 là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung thực hiện kể từ ngày 20/4/2019.

Ông Đặng Tiến S không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được ngăn cản.

Với lợi ích của hai con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- **Về tài sản chung và nợ vay chung:** Bà N và ông S không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung:** Ông Đặng Tiến S phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

- **Về án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm:** Bà Trần Thị N thỏa thuận nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng). Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Tây hoàn trả số tiền chênh lệch 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) từ số tiền mà bà N nộp tạm ứng án phí HNGĐ sơ thẩm theo biên lai số AA/2016/0004955 ngày 07/03/2019.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND h ST (2);
- UBND xã ST1 (1);
- TAND tỉnh Quảng Ngãi (1);
- Chi cục THADS h ST (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Phước

